

Thứ ba, ngày 21 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Dao động quanh 860 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/07/2020		•	
Tuần 20/7-24/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên giảm điểm trước đó thì phiên hôm nay VNIndex chủ yếu dao động quanh ngưỡng 860 điểm. Từ cuối phiên sáng đến đầu phiên chiều, chỉ số dờn xuống dưới khu vực hỗ trợ này nhưng sự hồi phục đã xuất hiện vào cuối phiên và VNIndex đóng cửa ở trên mốc tham chiếu. Dòng tiền đầu tư tăng mạnh so với phiên hôm trước khi có đến 11/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường giảm so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tương đối cân bằng cho thấy xu hướng mua bán giằng co trong thời điểm hiện tại. Dự kiến VNIndex có khả năng vẫn dao động trong biên độ hẹp tại khu vực 855-865 điểm trước khi khối lượng giao dịch tăng trở lại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 805 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/7/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Hàng tiêu dùng_2.3%**

Phân tích kỹ thuật: TDT_Xu hướng tăng (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.29** điểm, đóng cửa **861.69**. HNX-Index **+0.37** điểm, đóng cửa **116.09**.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+0.32)**; **VNM (+0.15)**; **NVL (+0.14)**; **VJC (+0.14)**; **HNG (+0.13)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.38)**; **PLX (-0.17)**; **GVR (-0.17)**; **SAB (-0.13)**; **MSN (-0.1)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,779** tỷ đồng, **-1.36%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.76 điểm. Thị trường có **164** mã tăng, 66 mã tham chiếu và **196** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-303.27** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-77.3 tỷ)**, **HPG (-66.1 tỷ)** và **DXG (-35 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.17** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **861.69**Giá trị: 3779.84 tỷ **0.29 (0.03%)**

Khối ngoại (ròng): -304.31 tỷ

HNX-INDEX **116.09**Giá trị: 623.32 tỷ **0.37 (0.32%)**

Khối ngoại (ròng): -2.17 tỷ

UPCOM-INDEX **57.36**Giá trị: 0.24 tỷ **0.07 (0.12%)**

Khối ngoại (ròng): -12.42 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	41.2	0.91%
Giá vàng	1,825	0.37%
Tỷ giá USD/VND	23,177	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,611	0.33%
Tỷ giá JPY/VND	21,604	-0.01%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	31.63%
LS TPCP 5 năm	1.8%	-0.86%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KDC	12.3	VHM	77.3
STB	9.5	HPG	66.1
TCH	5.5	DXG	35.0
NVL	4.8	VNM	34.1
PC1	2.9	SSI	31.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Tín hiệu hàng hóa	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_2.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	21/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Hàng tiêu dùng	2.3%	0.2%	6.4%	6.4%	6.4%	2.5%	20.2%
Stay-at-home	2.1%	1.3%	8.5%	8.5%	8.5%	13.5%	17.9%
Lãi suất giảm	1.5%	-0.3%	9.2%	9.2%	9.2%	5.9%	19.8%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.5%	2.5%	11.9%	11.9%	11.9%	12.8%	26.3%
Chiến tranh thương mại	0.8%	1.2%	6.1%	6.1%	6.1%	-6.7%	18.7%
Đầu tư công	0.8%	0.0%	8.8%	8.8%	8.8%	2.6%	20.3%
Xây dựng	0.7%	-1.2%	11.0%	11.0%	11.0%	2.7%	19.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.5%	-0.5%	6.5%	6.5%	6.5%	0.2%	22.4%
Ngành Dược	0.5%	0.1%	6.9%	6.9%	6.9%	-2.1%	18.2%
Ngân Hàng	0.5%	-0.5%	7.8%	7.8%	7.8%	-1.6%	22.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.4%	-1.0%	4.1%	4.1%	4.1%	-8.7%	18.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.4%	-0.7%	5.6%	5.6%	5.6%	-13.2%	16.8%
Vật liệu Xây dựng	0.4%	-0.4%	5.6%	5.6%	5.6%	3.5%	20.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.4%	-1.0%	5.0%	5.0%	5.0%	-11.5%	21.7%
VN Diamond	0.2%	-1.2%	5.3%	5.3%	5.3%	-12.3%	19.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.1%	-1.0%	6.4%	6.4%	6.4%	-5.4%	21.2%
FTSE Việt Nam	0.1%	-1.2%	3.1%	3.1%	3.1%	-7.9%	17.0%
BĐS & Khu công nghiệp	0.1%	0.0%	4.1%	4.1%	4.1%	-5.8%	17.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.1%	-1.3%	5.2%	5.2%	5.2%	-10.2%	19.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	-0.1%	3.6%	3.6%	3.6%	8.2%	15.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	-1.3%	4.1%	4.1%	4.1%	-9.0%	16.0%
VN FinSelect	0.0%	-1.1%	5.8%	5.8%	5.8%	-5.1%	19.7%
Corona Avengers	-0.1%	-1.9%	5.5%	5.5%	5.5%	0.6%	22.0%
Nước & Năng lượng	-0.4%	-1.1%	7.4%	7.4%	7.4%	-3.9%	16.9%
Dầu khí	-0.6%	-2.3%	2.3%	2.3%	2.3%	-21.8%	25.3%
Mục tiêu	7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S11	1.0%	-0.2%	4.3%	4.3%	4.3%	2.3%	18.7%
M22	0.5%	-0.6%	4.3%	4.3%	4.3%	-1.4%	18.8%
M12	0.4%	-0.6%	3.5%	3.5%	3.5%	-6.7%	20.0%
L22	0.4%	-0.7%	3.6%	3.6%	3.6%	-6.9%	20.2%
M31	0.4%	-0.6%	6.0%	6.0%	6.0%	-5.9%	21.4%
L11	0.1%	-0.6%	4.2%	4.2%	4.2%	-6.4%	17.7%
S32	0.1%	-1.8%	5.0%	5.0%	5.0%	-14.4%	22.6%
S21	-0.1%	-1.0%	3.5%	3.5%	3.5%	-9.0%	20.0%
L32	-0.6%	-2.0%	7.3%	7.3%	7.3%	-5.2%	
Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	1.2%	-0.2%	5.9%	5.9%	5.9%	6.3%	17.6%
HIGH3	1.0%	-0.1%	5.7%	5.7%	5.7%	0.7%	19.5%
LOW1	0.6%	-0.2%	3.9%	3.9%	3.9%	-4.5%	17.2%
INDEX							
VNINDEX	0.0%	-1.2%	4.4%	4.4%	4.4%	-10.3%	16.9%
VN30INDEX	0.2%	-1.2%	4.4%	4.4%	4.4%	-8.5%	17.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	21	4	19	6	19	6
Mục tiêu	9	7	2	7	2	3	6
Rủi ro	3	3	0	3	0	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

TDT_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD sắp cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: TDT đang nằm trong xu hướng tăng giá sau khi tạo thành mô hình 2 đáy quanh ngưỡng giá 9.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tích cực này. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế tại vùng giá 10.0-10.5, chốt lãi tại ngưỡng giá 12.0 và cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 9.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	14.15	1	1.07%	Có thể tiếp tục mua
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	12.45	4	-0.40%	Có thể tiếp tục mua
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	27.3	5	-1.80%	Có thể tiếp tục mua
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	24.8	6	-2.36%	Có thể tiếp tục mua
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	14.65	7	-1.68%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	11.95	8	0.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	15.05	11	4.15%	Có thể tiếp tục mua
7/9/2020	KDC	30.5	39	29	31.2	12	2.30%	Có thể tiếp tục mua
7/7/2020	HDG	20.6	26	19	20.35	14	-1.21%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/6/2020	FPT	46.8	57.2	45	47.8	15	2.14%	Có thể tiếp tục mua
7/3/2020	PLC	14.94	16.4	13.2	15.6	18	4.42%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	13.25	20	3.52%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/29/2020	PLP	11.35	13.5	9.5	12.2	22	7.49%	Có thể tiếp tục mua
6/26/2020	DGC	39.6	42	33	40.4	25	2.02%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	31	39	27.5	30.95	27	-0.16%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/23/2020	FCN	10.8	14	9.5	10.7	28	-0.93%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/19/2020	VIC	97.3	100	88	90.2	32	-7.30%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
6/18/2020	HPG	26.8	32	24	28.1	33	4.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	78.8	35	5.21%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/12/2020	STB	11.8	13	10.5	11.5	39	-2.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	37.8	46	1.61%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/8/2020	GEX	17.9	22	16	TP	9	22.91%
7/2/2020	DHC	37.9	40	35	TP	7	5.54%
6/30/2020	TLG	35.9	40	31.5	TP	20	11.42%
6/25/2020	VRG	14.7	16.8	12.5	TP	7	14.29%
6/22/2020	PDR	24.8	29	23	SL	9	-7.26%
6/17/2020	MSH	35.95	40	32.3	SL	12	-10.15%
6/15/2020	NVL	55.2	60	53	TP	4	8.70%
6/11/2020	DAH	14	16.5	11	TP	19	17.86%
6/10/2020	GEG	21	25	20	SL	2	-4.76%
6/9/2020	CVT	19.2	24	18	SL	3	-6.25%

Chú thích: Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	12	9	3.27%	-2.04%	0.99%	19
Cổ phiếu đã chốt	6	5	13.45%	-8.29%	3.57%	10

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 21/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.87	0.15%	1.40%	4.70%	-25.32%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.37	0.21%	1.10%	2.90%	-29.42%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	123.36	0.42%	-1.10%	-1.90%	-28.49%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1816.81	-0.05%	0.40%	4.20%	26.09%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	19.91	0.00%	3.60%	13.00%	22.86%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	896.75	-0.36%	2.20%	2.40%	-5.08%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	520.25	-0.34%	-1.20%	6.40%	-1.47%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.32	0.00%	-0.10%	19.00%	41.07%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	146.30	1.05%	0.30%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.72	-0.09%	1.20%	-4.40%	-10.53%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	99.75	-2.49%	1.10%	1.60%	-17.60%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6487.50	0.61%	-1.30%	11.80%	7.81%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	534.75	0.42%	0.30%	5.40%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1664.50	0.18%	-1.50%	3.60%	-8.34%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	119.87	2.27%	0.90%	9.90%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	53.90	-1.10%	-1.10%	1.30%	-32.58%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

- Giá dầu**
- Giá dầu tăng 14 US cent tương đương 0.3% lên 43.28 USD/thùng, dầu Tây Texas Mỹ (WTI) tăng 22 US cent tương đương 0.5% lên 40.81 USD/thùng.
 - Giá dầu được hỗ trợ khi một loại vắc xin virus corona thử nghiệm bởi AstraZeneca AZN.L và Đại học Oxford Anh phát triển được cho là an toàn và tạo ra phản ứng miễn dịch trong các thử nghiệm lâm sàng ở giai đoạn đầu, kỳ vọng có thể được sử dụng vào cuối năm nay. Đồng thời, hơn 150 loại vắc xin đang trong giai đoạn phát triển bởi các nhà sản xuất dược phẩm Mỹ Pfizer PFE.N và CanSino Biologics Trung Quốc cũng báo cáo phản ứng tích cực.
 - Ngoài ra các nhà đầu tư đang chờ đợi những tín hiệu tại hội nghị Thượng đỉnh EU, với những dấu hiệu thỏa hiệp đầu tiên về việc khắc phục quỹ phục hồi trị giá 750 tỉ euro (858.3 tỉ USD) được đề xuất để vực dậy các nền kinh tế.

- Giá vàng**
- Giá vàng giao ngay tăng 0.4% lên 1,815.34 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 0.4% lên 1,817.4 USD/ounce. Vàng đang giao dịch dưới mức cao kỷ lục (1,920.3 USD/ounce) trong tháng 9/2011, được thúc đẩy bởi các biện pháp kích thích tiền tệ nhằm ngăn chặn tác động của đại dịch.
 - Các dấu hiệu cho thấy rằng, các nước thuộc EU đang sẵn sàng thỏa hiệp kế hoạch kích thích kinh tế bị tác động bởi virus corona có trị giá 1.8 nghìn tỉ euro (2 nghìn tỉ USD) cũng hỗ trợ giá vàng

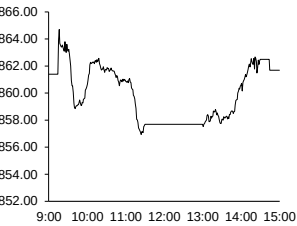
- Giá sắt thép**
- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn Đại Liên giảm 0.3% xuống 817 CNY (116.91 USD)/tấn, giảm phiên thứ 3 liên tiếp. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn Singapore giảm 0.7% xuống 106.31 USD/tấn, giảm phiên thứ 4 liên tiếp, trên sàn Thượng Hải giá thép cây giảm 0.3%, giá thép cuộn cán nóng giảm 0.1%.
 - Tồn trữ quặng sắt nhập khẩu tại các cảng của Trung Quốc tính đến ngày 17/7/2020 tăng tuần thứ tư liên tiếp lên 112 triệu tấn.

- Giá cao su**
- Trên sàn TOCOM, cao su kỳ hạn tháng 12 giảm 0.1 JPY xuống 155.3 JPY/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9 giảm 1% xuống 10,505 CNY/tấn.
 - Xuất khẩu của Nhật Bản trong tháng 6/2020 giảm 2 con số trong tháng thứ 4 liên tiếp, dấu hiệu khủng hoảng virus corona đẩy nền kinh tế vào thời kỳ suy thoái sau chiến tranh tồi tệ nhất và dẫn đến suy thoái kinh tế toàn cầu kéo dài.

- Giá nông sản**
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 giảm 2,55 US cent tương đương 2.5% xuống 99.75 US cent/lb, trong khi robusta giao cùng kỳ hạn giảm 15 USD tương đương 1.2% xuống 1,278 USD/tấn.
 - Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE giảm 0.01 US cent tương đương 0.1% xuống 11.72 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 1.9 USD tương đương 0.5% xuống 350.5 USD/tấn.

Hình 1

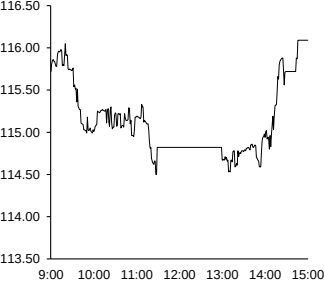
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

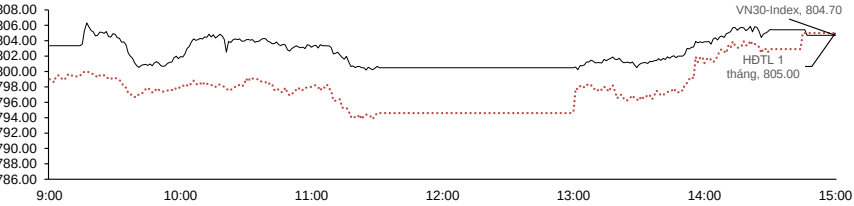
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	-0.89%
Hóa chất	-0.26%
Bảo hiểm	-0.24%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.19%
Bất động sản	-0.07%
Truyền thông	-0.05%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.01%
Viễn thông	0.00%
Dịch vụ tài chính	0.02%
Thực phẩm và đồ uống	0.04%
Du lịch và Giải trí	0.08%
Tài nguyên Cơ bản	0.14%
Ngân hàng	0.15%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.17%
Xây dựng và Vật liệu	0.29%
Y tế	0.30%
Công nghệ Thông tin	0.59%
Bán lẻ	0.60%
Ô tô và phụ tùng	2.35%

Nguồn: FiiPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	805.00	1.07%	0.30	13.4%	155,450	8/20/2020	32
VN30F2009	799.50	0.82%	-5.20	92.2%	640	9/17/2020	60
VN30F2012	797.00	0.84%	-7.70	-43.9%	32	12/17/2020	151
VN30F2103	793.50	-1.99%	-11.20	32.5%	53	3/18/2021	242

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ 1.34 điểm, lên mức 804.70 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VJC, FPT, MSN, và VHM tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 800-805 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy trong vùng 795-815 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh xu hướng giá ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 805 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL2001	12/16/2020	148	4:1	324,620	17.83%	2,300	2,080	12.43%	464	4.48	75,088	65,888	62,300
CFPT2004	8/10/2020	20	1:1	32,610	32.14%	5,100	6,460	2.70%	657	9.83	55,100	50,000	47,800
CHPG2009	10/29/2020	100	2:1	416,840	36.60%	1,600	3,330	2.46%	3,072	1.08	25,700	22,500	28,100
CFPT2003	11/9/2020	111	1:1	47,220	32.14%	7,300	9,460	1.83%	2,737	3.46	57,300	50,000	47,800
CVNM2002	12/16/2020	148	5:1	162,750	31.43%	3,200	1,160	1.75%	524	2.21	155,285	139,285	116,000
CHPG2002	12/16/2020	148	2:1	230,870	36.60%	1,700	1,740	1.16%	1,028	1.69	33,399	29,999	28,100
CHPG2005	10/1/2020	72	1:1	17,920	36.60%	2,100	9,100	1.00%	9,286	0.98	21,100	19,000	28,100
CVNM2003	9/4/2020	45	10:1	122,790	31.43%	1,450	2,550	0.79%	2,266	1.13	107,280	92,780	116,000
CMWG2007	11/30/2020	132	1:1	21,550	39.64%	12,900	8,660	0.58%	7,151	1.21	99,900	87,000	83,700
CTCB2004	8/18/2020	28	2:1	217,820	37.13%	1,050	1,860	-1.06%	1,793	1.04	19,100	17,000	20,500
CHPG2008	11/30/2020	132	1:1	105,720	36.60%	4,100	3,380	-2.03%	2,736	1.24	32,100	28,000	28,100
CMWG2009	10/23/2020	94	8:1	353,050	39.64%	1,600	1,270	-2.31%	1,004	1.26	94,800	82,000	83,700
CMBB2002	8/10/2020	20	1:1	455,420	34.42%	1,300	390	-2.50%	299	1.31	19,300	18,000	17,300
CVPB2005	8/18/2020	28	2:1	62,030	45.21%	1,510	1,790	-2.72%	1,726	1.04	22,520	19,500	22,750
CHPG2010	4/5/2021	258	4:1	190,990	36.60%	1,800	1,280	-3.76%	511	2.51	40,300	33,100	28,100
CVHM2003	10/29/2020	100	10:1	318,890	37.43%	1,000	1,380	-4.17%	1,187	1.16	80,000	70,000	78,800
CVHM2002	11/30/2020	132	1:1	54,050	37.43%	11,500	10,470	-4.56%	8,588	1.22	88,500	77,000	78,800
CVNM2004	11/30/2020	132	1:1	21,800	31.43%	17,500	13,420	-4.62%	8,738	1.54	133,973	116,473	116,000
CSTB2004	11/30/2020	132	1:1	118,990	41.73%	1,400	1,620	-4.71%	1,491	1.09	12,400	11,000	11,500
CMSN2004	9/4/2020	45	5:1	165,590	34.67%	1,980	840	-11.58%	533	1.58	64,900	55,000	54,700
Tổng				3,441,520	35.34%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 21/7/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.
- Về giá, CNVL2001 tăng mạnh 12.43%. Trái lại, CVHM2001 và CMSN2001 giảm mạnh lần lượt là -12.26% và -8.82%. Giá trị giao dịch giảm -7.48%. CHPG2009 tiếp tục có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.53% thị trường.
- CHPG2005, CVPB2006, CVPB2005, CTCB2004, và CHPG2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005, CHPG2006 và CHPG2009 cũng là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.7	0.5%	1.2	1,648	1.5	8,808	9.5	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.4	0.0%	1.3	581	0.5	5,248	11.3	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	46.7	-0.8%	1.3	1,507	1.1	1,307	35.7	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.7	2.3%	0.4	298	0.2	2,654	11.6	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	90.2	0.0%	0.8	13,265	0.9	2,095	43.1	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.3	0.4%	1.1	2,598	2.0	1,226	21.5	2.2	30.8%	10.3%
VHM	Bất động sản	78.8	-0.5%	1.3	11,270	7.2	7,825	10.1	4.1	20.2%	47.9%
DXG	Bất động sản	10.2	-5.1%	1.3	229	3.7	2,289	4.4	0.8	40.7%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.3	-1.3%	1.3	398	4.6	1,415	10.8	0.9	49.2%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.2	-0.6%	1.0	166	0.5	4,240	5.5	0.9	27.5%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.8	-0.3%	1.7	249	2.0	1,608	11.7	1.3	51.9%	11.5%
FPT	Công nghệ	47.8	0.8%	0.8	1,629	1.9	4,804	10.0	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.0	-0.8%	0.4	519	0.0	4,812	10.0	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	71.0	0.1%	1.5	5,908	0.8	5,138	13.8	2.6	3.3%	20.4%
PLX	Dầu khí	45.9	-1.1%	1.5	2,406	0.9	869	52.8	2.9	14.6%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.3	0.0%	1.5	256	1.3	1,238	9.9	0.5	11.5%	4.8%
BSR	Dầu khí	6.9	0.0%	0.8	930	1.6	898	7.7	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.8	1.0%	0.5	528	0.1	5,044	18.4	3.8	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	14.7	1.7%	0.4	249	1.5	1,006	14.6	0.7	10.9%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.9	1.4%	0.4	204	0.5	415	21.4	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.5	0.4%	1.1	13,304	2.4	4,848	17.0	3.6	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.8	0.0%	1.4	7,135	0.7	2,140	19.1	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.9	0.2%	1.2	3,861	2.8	2,510	9.5	1.1	30.0%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.8	0.2%	1.2	2,411	1.8	4,126	5.5	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.3	0.6%	1.0	1,814	2.3	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.6	0.4%	0.9	1,778	2.3	3,780	6.5	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	53.2	0.9%	0.9	189	0.2	5,303	10.0	1.7	81.7%	17.0%
NTP	Nhựa	30.9	-1.6%	0.4	158	0.0	3,566	8.7	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.2	-0.7%	0.4	654	0.0	356	42.7	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	28.1	0.4%	1.1	3,373	14.3	2,764	10.2	1.6	36.0%	17.4%
HSG	Thép	11.4	1.3%	1.4	219	3.8	1,493	7.6	0.8	11.2%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	116.0	0.3%	0.7	8,783	8.1	5,453	21.3	6.7	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	190.3	-0.4%	0.8	5,306	0.6	6,719	28.3	7.1	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	54.7	-0.5%	1.0	2,780	4.0	3,961	13.8	1.5	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.0	0.0%	0.8	381	2.7	171	87.6	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	58.2	-0.2%	0.8	5,509	0.6	3,450	16.9	3.5	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	108.4	0.8%	1.1	2,469	1.1	7,110	15.2	3.8	18.1%	26.3%
HVN	Vận tải	25.9	-0.4%	1.7	1,597	0.3	1,654	15.7	2.0	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.6	0.0%	0.9	252	0.1	1,583	12.3	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.4	0.0%	1.1	127	0.5	2,117	4.9	0.7	22.5%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.4	-0.5%	1.0	421	0.3	8,104	7.7	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.1	0.0%	0.7	391	0.5	1,453	13.8	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.2	1.1%	1.0	235	0.3	1,937	7.3	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	82.5	1.9%	1.0	274	1.9	8,467	9.7	0.7	45.9%	7.9%
CII	Xây dựng	18.1	3.4%	0.3	188	1.3	1,775	10.2	0.8	37.3%	8.5%
REE	Điện	32.7	0.8%	-1.4	440	0.2	4,976	6.6	1.0	49.0%	16.0%
PC1	Điện	19.2	2.1%	-0.4	133	0.6	2,268	8.5	0.9	16.4%	10.7%
POW	Điện	9.8	-0.4%	0.6	1,000	1.3	1,028	9.6	0.9	11.2%	9.4%
NT2	Điện	23.2	-1.5%	0.5	290	0.4	2,685	8.6	1.5	18.3%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	15.1	2.0%	0.8	307	1.2	1,880	8.0	0.7	20.8%	9.5%
BCM	Khu công nghiệp	26.6	0.0%	0.9	1,197	0.0	2,332	11.4	1.9	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	82.50	0.36	0.32	681740.00
VNM	116.00	0.26	0.15	1.62MLN
VJC	108.40	0.84	0.14	232510.00
NVL	62.30	0.81	0.14	1.01MLN
HNG	14.10	2.92	0.13	601670.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.38	2.11MLN	1.11MLN
PLX	0.00	-0.18	439810.00	607060.00
GVR	0.00	-0.17	755830.00	373600.00
SAB	0.00	-0.13	73700.00	192700.00
MSN	0.00	-0.10	1.67MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	31.50	6.96	0.03	80.00
DGW	43.85	6.95	0.04	940560.00
IBC	23.85	6.95	0.04	55340.00
TLD	9.26	6.93	0.00	543510.00
RIC	4.84	6.84	0.00	2080.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNC	22.00	-8.33	-0.01	30.00
VIP	5.37	-7.73	-0.01	85460.00
COM	41.85	-7.00	-0.01	120.00
TDC	7.72	-6.99	-0.02	181380.00
PNC	9.63	-6.96	0.00	40.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.60	0.41	0.16	2.19MLN
S99	19.30	9.66	0.08	1.14MLN
SLS	58.80	9.91	0.03	19600.00
PVI	30.70	2.33	0.03	128100.00
VIX	7.10	2.90	0.02	147700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OCH	7.70	-9.41	-0.07	100.00
IDC	19.30	-1.53	-0.05	11300.00
NVB	8.90	-1.11	-0.04	2.76MLN
L14	62.00	-3.73	-0.03	54800.00
CEO	7.80	-2.50	-0.03	1.08MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

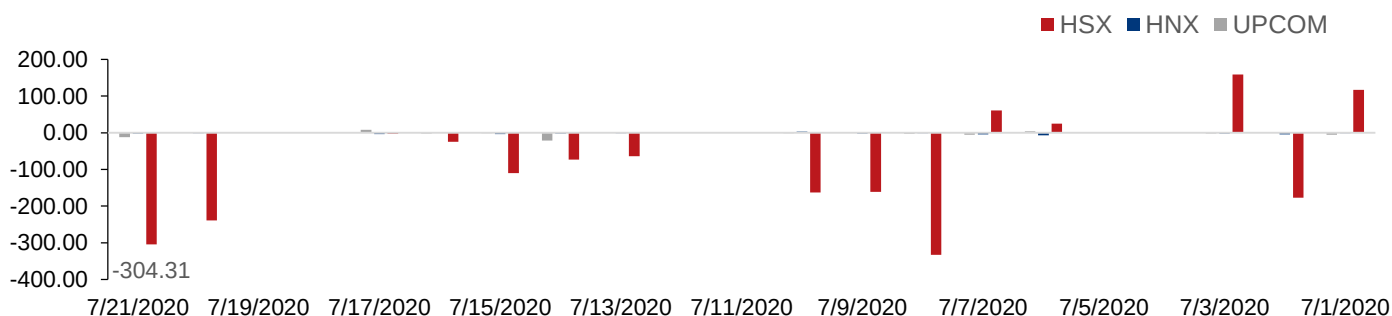
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTT	11.00	10.0	0.00	100.00
HMH	9.90	10.0	0.01	100.00
PSI	2.20	10.0	0.00	100.00
TTZ	3.30	10.0	0.00	80500.00
SLS	58.80	9.9	0.03	19600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.70	-12.50	-0.01	542300.00
VTL	34.20	-10.00	-0.01	100.00
OCH	7.70	-9.30	-0.07	100.00
VKC	3.90	-9.30	-0.01	100000.00
CMC	5.00	-9.09	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
13	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	25.3	3,321	7.6	1.2	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	22.8	4,126	5.5	1.2	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	49.8	6,759	7.4	1.3	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	54.7	3,961	13.8	1.5	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.4	5,365	7.5	1.4	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.4	1,493	7.6	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	45.1	5,479	8.2	2.2	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	23.0	1,140	20.2	1.9	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	28.1	2,764	10.2	1.6	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.5	2,987	6.9	1.1	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.4	5,248	11.3	2.7	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	136.9	5,718	23.9	8.4	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	10.2	2,289	4.4	0.8	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.6	1,496	10.4	0.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.4	7,637	2.7	0.9	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.9	5,311	4.1	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	43.9	4,761	9.2	1.8	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.5	4,848	17.0	3.6	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.6	3,780	6.5	1.4	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	37.8	6,553	5.8	1.4	Click

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giả định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giả định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giả định trích quỹ KPTL 10%).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn